

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM
KHOA KINH TẾ**



HCMUTE

**BÁO CÁO CUỐI KỲ
MÔN HỌC: THIẾT KẾ WEB**

Đề tài:

**XÂY DỰNG WEBSITE E-COMMERCE
VỀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN TExpress**

Giảng viên hướng dẫn: TS. Phan Học

Lớp học phần : Chiều thứ 7, tiết 7 - 10

Sinh viên thực hiện	: Họ và tên	MSSV
	Huỳnh Bảo Trâm	19126006
	Huỳnh Công Tiến	19126107

TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: SƠ LƯỢC VỀ WEBSITE	1
1. Tổng quan về website:	1
1.1. Header	1
1.2. Trang chủ	1
1.3. Hoạt động	2
1.4. Dịch vụ	2
1.5. Nhân sự	5
1.6. Sứ mệnh	6
1.7. Phương thức liên lạc:	7
1.8. Footer	8
1.9. Đăng nhập/Đăng ký	8
CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG WEBSITE	10
2.1. Header	10
2.2. Trang chủ	13
2.3. Đối tác	16
2.4. Đăng nhập	17
2.5. Đăng ký	21
2.6. Hoạt động	24
2.. Dịch vụ	28
2.8. Nhân sự	31
2.9. Sứ mệnh	35
2.10. Liên lạc	37
2.11. Footer	41

2.12. Sản phẩm.....	46
2.12. Back-end	54
2.12.1. Khai báo cài đặt MongoDB	54
2.12.2. Tạo bảng Order	54
2.12.3. Tạo bảng Products.....	55
2.12.4. Tạo bảng User	55
2.12.5. Insert dữ liệu vào bảng Products.....	56
2.12.6. Insert dữ liệu vào bảng Customer và Orders	56
2.12.7. Kết các bảng dữ liệu với nhau	58

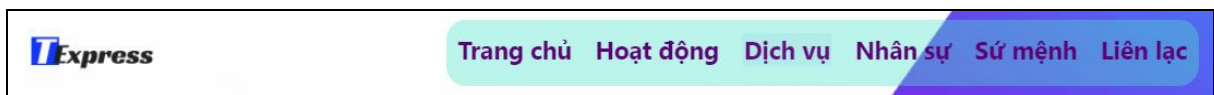
CHƯƠNG 1: SƠ LƯỢC VỀ WEBSITE

1. Tổng quan về website:

Nội dung trang web gồm các phần chính gồm: trang chủ, hoạt động, dịch vụ, nhân sự, sứ mệnh, đăng nhập/đăng ký và một số thông tin khác.

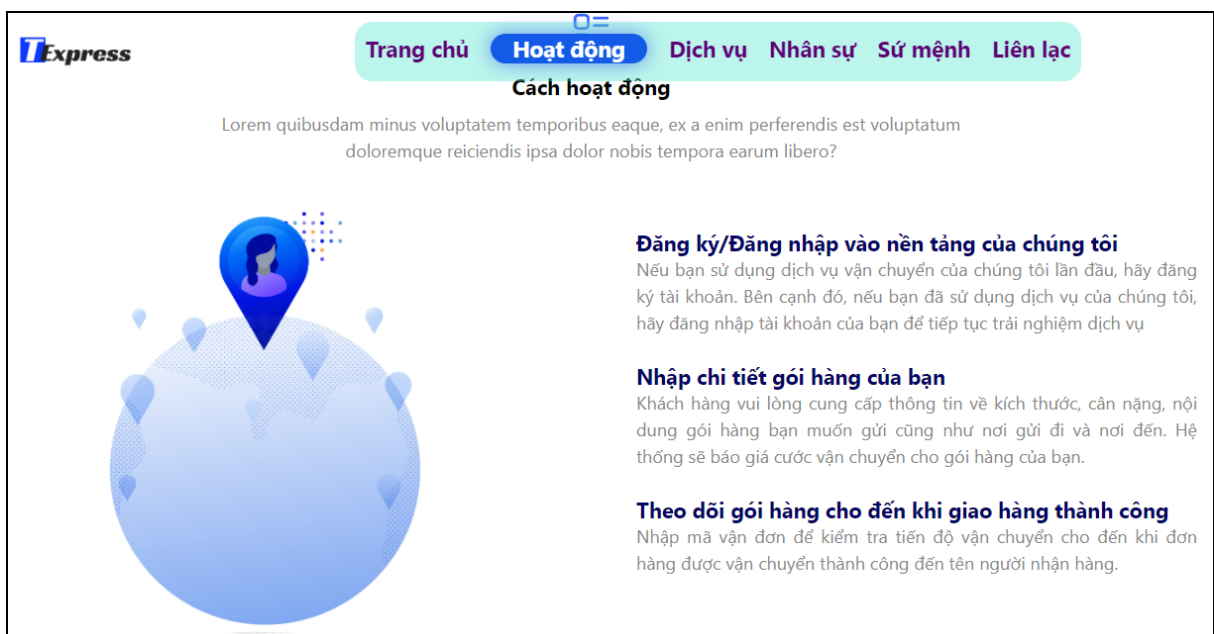
1.1. Header

Header là phần đầu của website với nội dung hiển thị là logo công ty và những phần chính của trang web trong thanh header để người dùng dễ dàng tìm kiếm thông tin.



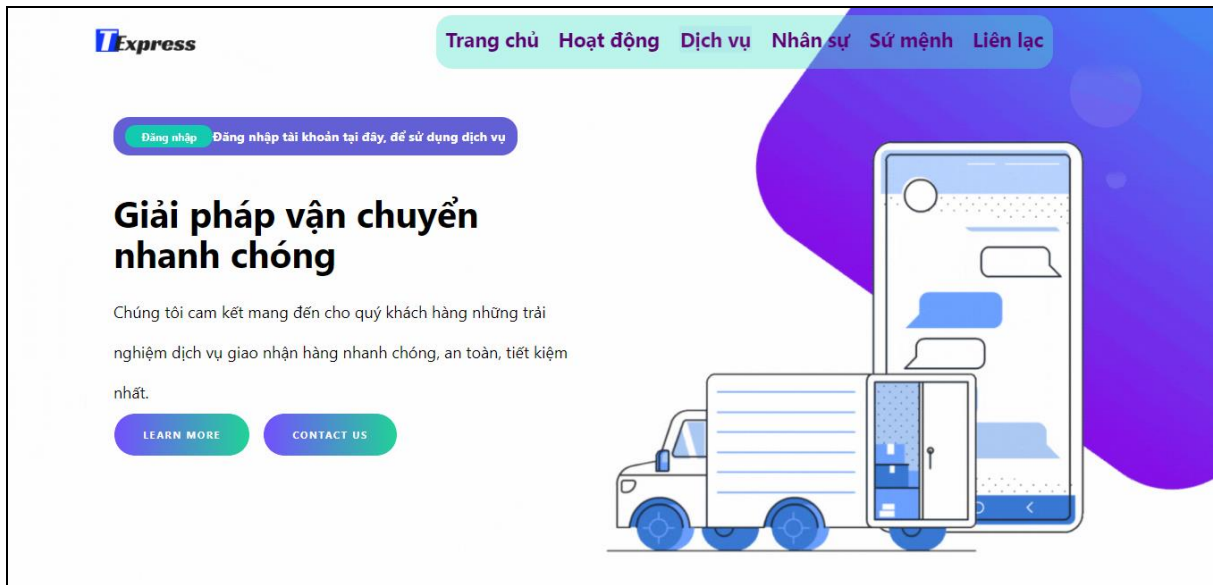
Khi người dùng nhấn vào bất kỳ mục nào trên thanh header thì trang web sẽ di chuyển đến phần nội dung tương ứng.

Ví dụ: Người dùng đang ở trang chủ, khi nhấn vào “Hoạt Động” trên thanh header thì trang web sẽ di chuyển đến phần Hoạt động.



1.2. Trang chủ

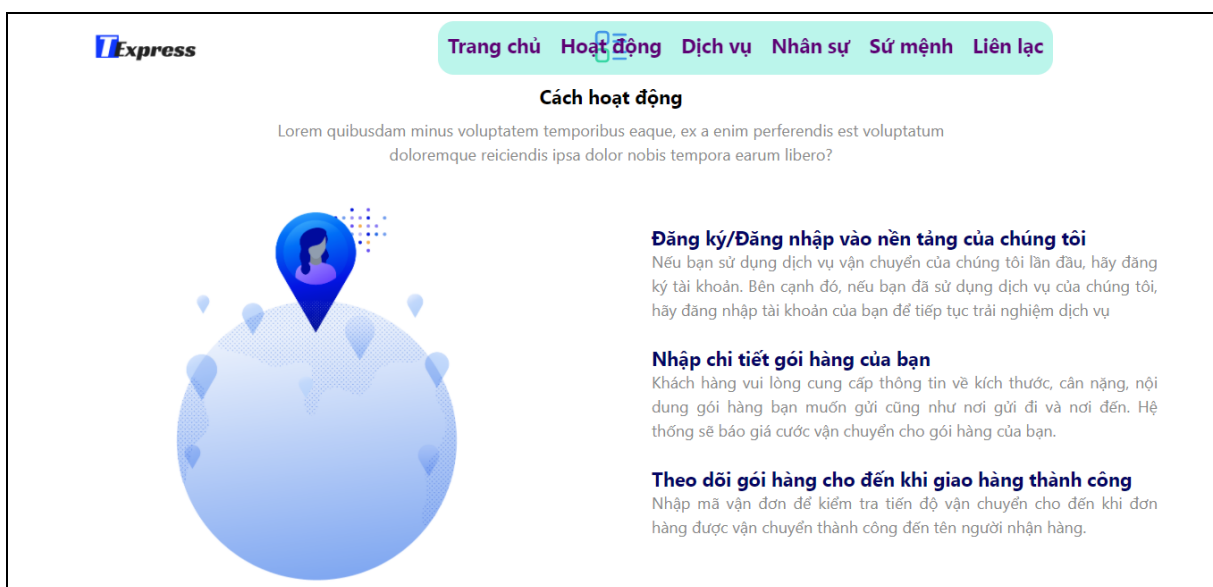
Nội dung hiển thị trang chủ website gồm logo, thanh Header, nút Đăng nhập, giới thiệu về dịch vụ và 2 nút Learn More, Contact Us.



1.3. Hoạt động

Nội dung hoạt động có 3 bước như sau:

- Đăng ký/Đăng nhập
- Nhập chi tiết gói hàng
- Theo dõi đơn hàng

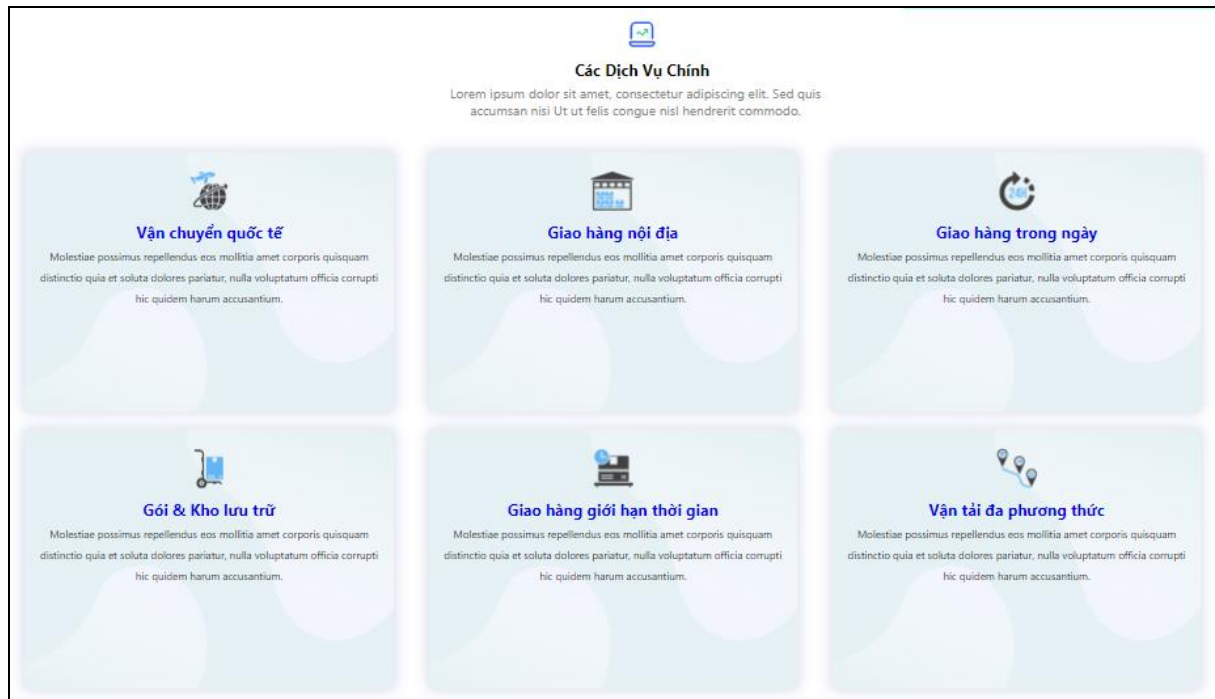


1.4. Dịch vụ

Dịch vụ có 6 hình thức vận chuyển như sau:

- Vận chuyển quốc tế

- Giao hàng nội địa
- Giao hàng trong ngày
- Gói & kho lưu trữ
- Vận tải đa phương thức



Nếu người dùng muốn biết chi tiết hơn về các dịch vụ thì nhấn vào phần dịch vụ mong muốn, trang web sẽ chuyển đến một trang khác giới thiệu chi tiết hơn về dịch vụ đó.

Ví dụ: Khách hàng muốn tìm hiểu về Vận chuyển quốc tế thì ấn vào ô “Vận chuyển quốc tế”.



Sau đó trang web sẽ chuyển đến trang như sau:



Trong kỷ nguyên mới, ngành vận tải hàng không là hoạt động thiết yếu và không thể tách rời cho bất cứ cá nhân/tổ chức nào muốn phát triển mạng lưới kinh doanh và tạo nên thương hiệu toàn cầu. Sự phát triển nhanh chóng của internet và công nghệ số đưa ngành vận tải hàng không từng bước có sự thay đổi theo chiều hướng: Nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian, tối ưu chi phí cho một hoặc nhiều lô hàng.

Xuất khẩu bằng vận tải hàng không là một giải pháp quan trọng, nếu bạn cần đưa sản phẩm của mình đến điểm đích trong một khung thời gian nhanh chóng, để thỏa mãn sự kịp thời cũng như mức độ cần thiết cho các hoạt động kinh doanh của bạn.

Là đại lý của các hãng hàng không lớn nhất thế giới: Vietnam Airlines, Singapore Airlines, Thai Airways, Malaysia Airlines, Japan Airlines, China Airlines, Eva Air, Korean Airlines

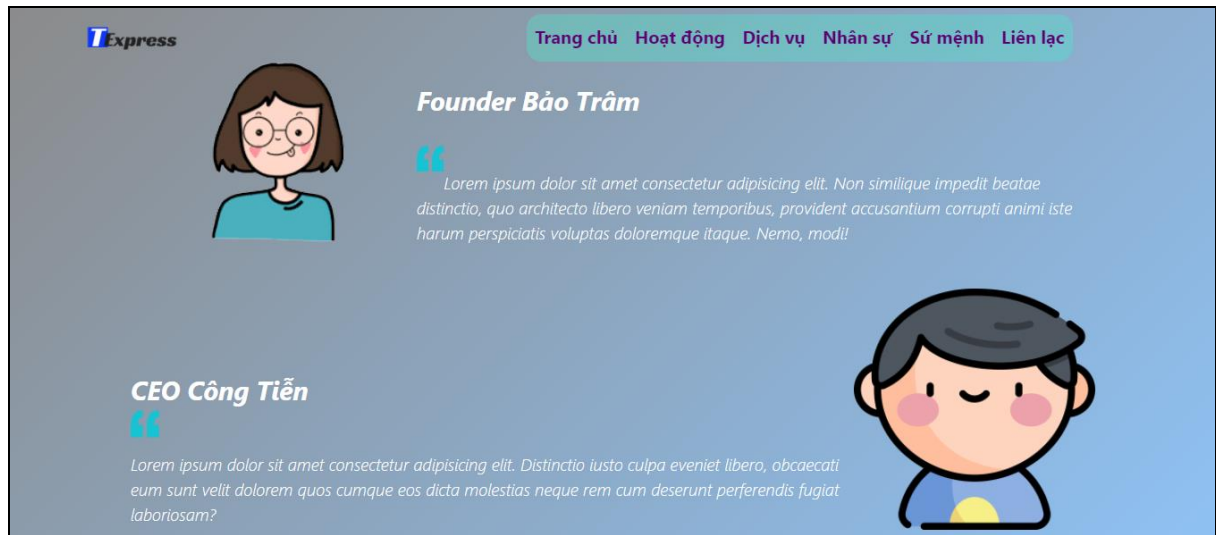
Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không của WinGo Logistics sẽ giúp bạn giải quyết vấn đề kịp thời mà cá nhân/doanh nghiệp bạn đang cần.

Chúng tôi hỗ trợ các gói vận chuyển bằng đường hàng không phù hợp nhất cho doanh nghiệp của bạn.

1.5. Nhân sự

Ban lãnh đạo công ty gồm 2 thành viên chủ chốt như sau:

- CEO: Huỳnh Công Tiến
- Founder: Huỳnh Bảo Trâm



1.6. Sứ mệnh


Công ty mang sứ mệnh mang đến dịch vụ vận chuyển tối ưu đến với hàng nghìn người dùng trên khắp thế giới.






1.7. Phương thức liên lạc:

Phần liên lạc có tác dụng thu thập và lưu trữ thông tin người dùng để doanh nghiệp có thể phân tích dữ liệu nhằm xây dựng chiến lược phát triển về sau cũng như liên hệ với khách hàng để tư vấn thêm dịch vụ của doanh nghiệp.



[Trang chủ](#) [Hoạt động](#) [Dịch vụ](#) [Nhân sự](#) [Sứ mệnh](#) [Liên lạc](#)

Liên lạc

Nếu bạn đang có nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ của công ty chúng tôi, mời bạn điền vào form bên dưới để chúng tôi liên lạc với bạn.

Mời bạn điền các thông tin bên dưới

Họ và tên

Nhập tài khoản Gmail

Nhập số điện thoại của bạn

Bạn đang muốn trao đổi điều gì?

[SEND MESSAGE](#)

1.8. Footer

Nội dung phần footer gồm các phần như sau:

CÔNG TY	HỖ TRỢ	THEO DÕI	THEO DÕI
Trang Chủ	FAQ	Đơn Hàng	f t @ in
Dịch Vụ	Vận Chuyển	Đóng Gói	
Chính Sách Bảo Mật	Thanh Toán	Đơn Vị Vận Chuyển	
Bản Điều Hành	Giá Thành		
	Bảo Mật		

1.9. Đăng nhập/Đăng ký

Để sử dụng các dịch vụ của chúng tôi, người dùng cần đăng nhập vào tài khoản của mình tại đây.

[Đăng nhập](#) Đăng nhập tài khoản tại đây, để sử dụng dịch vụ

Giao diện đăng nhập hiển thị như sau:

Đăng nhập

Tài khoản

Mật khẩu

ĐĂNG NHẬP

Bạn chưa có tài khoản?

Nếu chưa có tài khoản thì người dùng cần nhấn vào dòng chữ “Bạn chưa có tài khoản?” để chuyển đến trang đăng ký tài khoản như sau:

Đăng ký

Họ và tên

Số điện thoại

Nhập mật khẩu

Xác nhận mật khẩu

ĐĂNG KÝ

CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG WEBSITE

2.1. Header

Giao diện:



HTML:

```
<div class="head">
  
  <div id="menu">
    <ul>
      <li><a href="#hpage">Trang chủ</a></li>
      <li><a href="#head1">Hoạt động</a></li>
      <li><a href="#service">Dịch vụ</a></li>
      <li><a href="#BoD">Nhân sự</a></li>
      <li><a href="#Aim">Sứ mệnh</a></li>
      <li><a href="#contact2">Liên lạc</a></li>
    </ul>
  </div>
</div>
```

Phần **Header** ta gồm có Menu và Logo của website, và nằm trong div với định dạng CSS “**head**”. Chèn logo vào phần **Header** bằng hình ảnh Texpress.png. Sau đó, tạo menu bằng cách liệt kê các phần tử có trong menu như: Trang chủ, Hoạt động, Dịch vụ, Nhân sự, sứ mệnh, Liên lạc, liên kết các phần tử được liệt kê đó đến vị trí của từng phần trong menu bằng lệnh **a href = “#(nơi muốn liên kết)”**.

CSS:

```

    }
    ✓ .head{
      position:fixed;
      top: 0;
      z-index: 10000;
      width: 100%;
    }
    ✓ .head img{
      width: 150px;
      height: 150px;
      margin-left: 95px;
      bottom: 34px;
      position: relative;
    }
  }
}
```

Phần Header được cố định bằng định dạng ***position:fixed;*** ở trên cùng bằng định dạng ***top:0;***, xuất hiện ở lớp trên cùng khi z-index:1000, z-index lớn nhất trong các thành phần khác và chiều rộng là 100% của màn hình.

Logo được dạng bởi ***.head img***, logo được thay đổi chiều cao và chiều dài với kích thước 150px, cách trái 95px, xuống dưới 34px và tránh làm thay đổi vị trí các thành phần liên quan bằng định dạng position: relative

```
,
#menu{
  background-color: rgba(81, 228, 203, 0.39);
  border-radius: 20px;
  float: right;
  margin-right: 200px;
  margin-top: 10px;
}
#menu ul li{
  float: left;
  padding: 12px 12px;
}
#menu ul li a{
  transition: all 0.5s;
  font-size: 25px;
  text-decoration: none;
  color: rgb(93, 1, 116);
  font-weight: bold;
}
#menu ul li a:hover{
  color: rgb(255, 255, 255);
  background-color: rgb(19, 90, 231);
  border-radius: 30px;
  padding-left: 25px;
  padding-right: 25px;
  border-color: cornflowerblue;
  box-shadow: 0 0 20px cornflowerblue;
}
```

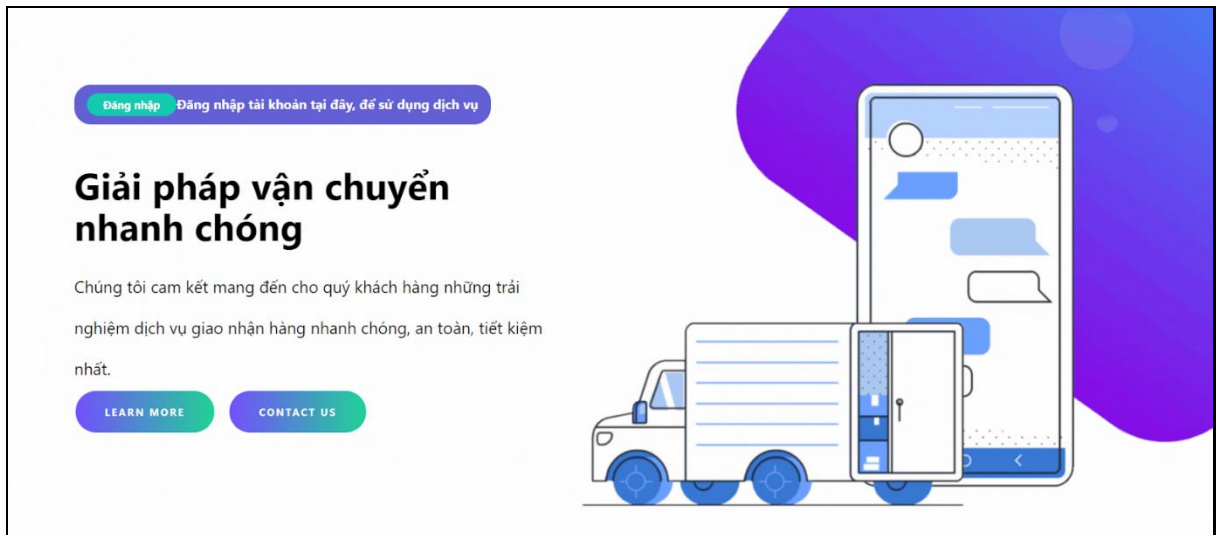
Phần menu được định dạng với màu nền, bo góc, canh lề bên phải, ở trên và đặt vị trí ở bên phải màn hình. Các phần tử được trải dài từ trái sang phải bằng định dạng float: left, và mỗi phần tử cách bên trái, phải mỗi bên 12px.

Đoạn lệnh **#menu ul li a** định dạng tất cả hiệu ứng diễn ra trong 0.5s và kích thước cỡ chữ là 25px, kiểu chữ bình thường, in đậm và định dạng màu chữ.

Đoạn lệnh **#menu ul li a: hover** là hiệu ứng khi người dùng rê chuột đến những thành phần của menu, màu chữ và màu nền sẽ thay đổi, bo tròn góc và giãn cách bên trái và phải một khoảng 25px, xuất hiện viền và bóng của phần tử trong menu.

2.2. Trang chủ

Giao diện:



HTML:

```
<section>
  <div id="home">
    <br><br><br><br><br><br>
    <div id="mix">
      <p><button><a href="/Login.html">Đăng nhập</a></button>Đăng nhập tài khoản tại đây, để sử dụng dịch vụ</p>
      <br><br><br>
      <h2 style="font-size: 45px;line-height: 50px; font-weight: light;">Giải pháp vận chuyển nhanh chóng</h2>
      <br>
    </div>

    <div id="text">
      <p>
        Chúng tôi cam kết mang đến cho quý khách hàng những trải nghiệm dịch vụ giao nhận hàng nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm nhất.
      </p>
      <span id="Learnmore"><a href="#">LEARN MORE</a></span>
      <span id="contact"><a href="#">CONTACT US</a></span>
    </div>
  </div>
</section>
```

Trang chủ được định dạng bởi thẻ “home”, “mix”, “text”, trang chủ trang bị nút bấm để cho người dùng đăng nhập vào website, nút bấm này liên kết đến trang **Login.html** khi người dùng click vào. Dưới thành phần đăng nhập, ta có tiêu đề H2 được định dạng cỡ chữ, kích thước dẫn cách giữa các dòng, và độ dày của chữ.

Dưới tiêu đề, có một đoạn chữ và 2 thẻ a, được định dạng bởi 2 thẻ “Learnmore” và “contact”

CSS:

```
#home{
  position: relative;
  width: 45%;
}
#mix{
  margin-left: 61px;
}
#mix p{
  color: white;
  font-weight: bold;
  border-radius: 20px;
  padding-right: 15px;
  padding-left: 15px;
  padding-top: 10px;
  padding-bottom: 10px;
  background-color: #6360D5;
}
#mix p button{
  border-radius: 20px;
  background-color: #14CAB1;
  border: 0px;
  padding-right: 20px;
  padding-left: 20px;
  padding-top: 5px;
  padding-bottom: 5px;
}
#mix p button a{
  color: white;
  font-weight: bold;
  text-decoration: none;
}
#text{
  margin-left: 61px;
  font-size: 20px;
  line-height: 50px;
  font-weight: light;
}
```

Trang chủ được định dạng với chiều rộng 45% màn hình của thiết bị và đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các thành phần khác bằng câu lệnh position: relative

Đoạn code nằm trong <div id= “mix”> được định dạng cách trái 61px, các đoạn văn được định dạng màu sắc, kiểu chữ, màu nền, bo viền các khối chứa chữ, các viền cách đoạn văn theo 4 phía, bên trái, phải, trên, dưới 1 đoạn cụ thể.

Button cũng được định dạng về màu nền, bo góc, viền,...

Thẻ a trong button cũng được định dạng màu sắc, kiểu chữ, trang trí chữ.

Đoạn code nằm trong <div id= “text”> được định dạng cách trái 61px, cỡ chữ, khoảng cách giữa các dòng, và kiểu chữ

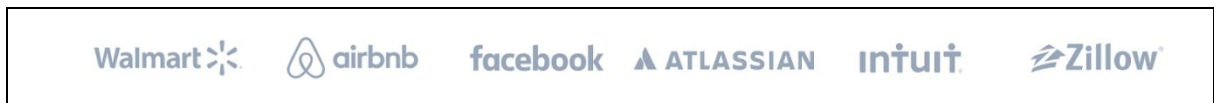
```
#Learnmore a{
  text-decoration: none;
  padding-right: 35px;
  padding-left: 35px;
  display: inline-block;
  border-radius: 100px;
  font-size: 12px;
  color: white;
  border: 2px solid white;
  font-weight: bold;
  background-image: linear-gradient(to right, #7450fe 0%, #21d397 100%);
  letter-spacing: 2px;
  transition: all 500ms;
}
#contact a{
  margin-left: 10px;
  text-decoration: none;
  padding-right: 35px;
  padding-left: 35px;
  display: inline-block;
  border-radius: 100px;
  font-size: 12px;
  color: white;
  border: 2px solid white;
  font-weight: bold;
  background-image: linear-gradient(to right, #7450fe 0%, #21d397 100%);
  letter-spacing: 2px;
}
#contact :hover{
  background-image: linear-gradient(to right, #21d397 0%, #7450fe 100%);
  box-shadow: 1px 1px 1px 1px rgb(59, 154, 233);
}
#Learnmore :hover{
  background-image: linear-gradient(to right, #21d397 0%, #7450fe 100%);
  box-shadow: 1px 1px 1px 1px rgb(59, 154, 233);
}
companyf
```

Định dạng 2 khối Learn more và Contact khá giống nhau, định dạng chữ cái không họa tiết, các viền của khối cách nội dung bên trái và bên phải một khoảng 35px, định dạng hiển thị, bo viền, cỡ chữ, màu sắc, kiểu chữ, màu nền gradient từ màu tím sang màu lục theo chiều từ trái sang phải, khoảng cách giữa các từ.

Hiệu ứng khi người dùng rê chuột vào của 2 thành phần này cũng giống nhau, khi người dùng rê chuột vào, màu nền sẽ thay đổi và thêm vào đó là thêm phần bóng của khối chứa chúng.

2.3. Đối tác

Giao diện:



HTML:

```
<div class="company">
  <ul>
    <li></li>
    <li></li>
    <li></li>
    <li></li>
    <li></li>
    <li></li>
  </ul>
</div>
```

Ở phần đối tác, là liệt kê các nguồn của hình ảnh, và nằm trong cùng 1 div, được định dạng bởi *class= “company”*

CSS:

```
.company{
  width: 100%;
}
.company ul {
  display: flex;
  width: 85%;
  margin: auto;
}
.company ul li{
  list-style-type: none;
}
.company li img{
  height:170px;
  width: 210px;
  box-sizing: border-box;
}
```

Ở phần giao diện đối tác, hiển thị với 100% độ rộng của màn hình, và trải dài trên cùng một hàng với định dạng display:flex, độ rộng của các phần tử gộp lại chiếm 85% và canh lề tự động, chính giữa.

Các phần tử được liệt kê không có ký tự liệt kê khi được định dạng list-style-type:none;, kích thước từng ảnh với chiều cao 170px và chiều rộng 210px

2.4. Đăng nhập

Giao diện:

HTML:

```
<body>
  <div class="form">
    <h2>Đăng nhập</h2>
    <form class="input">
      <br>
      <p>Tài khoản</p>
      <input type="text" id="styleform" name="account"><br><br>
      <p>Mật khẩu</p>
      <input type="password" id="styleform" name="password"><br><br>
      <button class="button1"> <a href="#">Đăng nhập</a></button>
    </form>
    <span><a href="/Registration.html" style="color: #fff; text-decoration: none;">Bạn chưa có tài khoản?</a></span>
  </div>
</body>
</html>
```

Trang đăng nhập được định dạng bởi thẻ **div** với thuộc tính **class="form"**, trong thẻ div gồm tiêu đề **<h2>** với nội dung hiển thị là *Đăng nhập*, một thẻ **<form>** có thuộc tính **class="input"** và một thẻ ****.

Trong thẻ form **class="input"** chứa nội dung thẻ **<p>** là *Tài khoản*, *Mật khẩu* và thẻ **<input>** có thuộc tính **type="text"** để nhận dữ liệu tên tài khoản dạng ký tự chữ và số, thẻ **<input>** có thuộc tính **type="password"** để nhận dữ liệu mật khẩu và hiển thị dưới dạng ký tự dấu chấm "●●●●●●". Nút *Đăng nhập* được tạo bằng thẻ **<button>** với thuộc tính **class="button1"** và ****.

Thẻ `` tạo đoạn nội dung *Bạn chưa có tài khoản?* và dùng thẻ `` để liên kết với file html *Registration.html*.

CSS:

```
*{  
  margin: 0;  
  padding: 0;  
  box-sizing: border-box;  
  font-family: 'Poppins', sans-serif;  
}
```

Định dạng cho toàn file *Login.html* các thuộc tính margin, padding bằng 0; kích thước box và font chữ là Poppins.

```
html,body{  
  display: grid;  
  height: 100%;  
  width: 100%;  
  place-items: center;  
  background: -webkit-linear-gradient(left, #457db2, #8ac8f1);  
}
```

Định dạng thẻ `<html>` và `<body>`, chiều cao và chiều rộng là 100% trang hiển thị, hiển thị ở giữa màn hình và màu sắc loan màu từ trái sang phải.

```
.form{  
  background: #fff;  
  padding: 30px;  
  padding-top: 100px;  
  padding-bottom: 100px;  
  line-height: 2;  
  color: #aliceblue;  
  font-weight: bold;  
  border-radius: 20px;  
  box-shadow: 20px 15px 20px 0px rgba(0,0,0,0.3);  
  background: -webkit-linear-gradient(left, #457db2, #8ac8f1);  
}
```

Thẻ `class=“from”` được định dạng màu background là trắng, phần khung nền cách nội dung 30px, phía trên và dưới cách nội dung 100px, khoảng cách dòng 2px, màu chữ, in đậm chữ, bo viền góc 20px, tạo bóng cho box và màu nền loan từ trái sang phải.

```
#styleform{
  border-radius: 10px;
  padding-top: 8px;
  padding-bottom: 8px;
  width: 250px;
  border: 1px solid pink;
  margin-bottom: 10px;
  font-style: italic;
  background: none;
}
```

Thẻ *styleform* được định dạng bo viền góc 10px, khung viền cách phía trên và dưới nội dung 8px, chiều dài box là 250px, màu viền là hồng và độ dày 1px, font chữ in nghiêng và không có background.

```
.input .button1, #regis{
  margin: auto;
  padding: 10px 30px;
  text-transform: uppercase;
  border-radius: 20px;
  color: white;
  display: block;
  border: none;
  background: rgb(26, 141, 218);
}
```

Định dạng thẻ *<input>* và *<button1>* canh lề tự động, khung viền cách nội dung trên dưới 10px, trái phải 30px, nội dung được caplock, chữ màu trắng, không có viền và nền màu xanh.

```
.form1{
  color: white;
  font-weight: bold;
  max-width: 390px;
  background: #fff;
  padding: 30px;
  border-radius: 5px;
  box-shadow: 0px 15px 20px rgba(0,0,0,0.3);
  background: -webkit-linear-gradient(left, #457db2, #8ac8f1);
}
```

Thẻ **<form1>** được định dạng màu chữ, độ dày font chữ, chiều ngang tối đa 390px, màu nền, khung nền cách nội dung 30px, bo tròn viền góc 5px, đổ bóng cho box, màu nền loan màu từ trái sang phải.

2.5. Đăng ký

Giao diện:

HTML:

```
<body>
<div class="form1">
  <form class="registration">
    <br>
    <h2>Đăng ký</h2>
    <br>
    <p>Họ và tên</p>
    <input type="text" id="styleform" name="account"><br><br>
    <p>Số điện thoại</p>
    <input type="number" id="styleform" name="account"><br><br>
    <p>Nhập mật khẩu</p>
    <input type="password" id="styleform" name="account"><br><br>
    <p>Xác nhận mật khẩu</p>
    <input type="password" id="styleform" name="password"><br><br>
    <input type="submit" value="Đăng ký" id="regis">
  </form>
</div>
</body>
```


Trang đăng ký được định dạng bởi thẻ *div* với thuộc tính *class*="*from1*", trong thẻ *div* gồm thẻ *<form>* thuộc tính *class*="*registration*".

Trong thẻ *<from class="registration">* chứa tiêu đề *<h2>* nội dung *Đăng ký*, các thẻ *<p>* có nội dung lần lượt là *Họ và tên*, *Số điện thoại*, *Mật khẩu*, *Xác nhận mật khẩu*. Sau từng thẻ *<p>* là thẻ *<input>* để nhận dữ liệu người dùng nhập vào. Thuộc tính của thẻ *<input>* cho *Họ và tên* là *type="text"*, *Số điện thoại* là *type="number"*, *Mật khẩu* và *Nhập lại mật khẩu* là *type="password"*.

Nút đăng ký tạo bằng thẻ *<input>* thuộc tính *type="submit"* để nhận thông tin người dùng vừa đăng ký.

CSS:

```
*{
    margin: 0;
    padding: 0;
    box-sizing: border-box;
    font-family: 'Poppins', sans-serif;
}
```

Định dạng cho toàn file *Login.html* các thuộc tính *margin*, *padding* bằng 0; kích thước box và font chữ là *Poppins*.

```
html,body{
    display: grid;
    height: 100%;
    width: 100%;
    place-items: center;
    background: -webkit-linear-gradient(left, #457db2, #8ac8f1);
}
```

Định dạng thẻ *<html>* và *<body>*, chiều cao và chiều rộng là 100% trang hiển thị, hiển thị ở giữa màn hình và màu sắc loan màu từ trái sang phải.

```
.form{
  background: #fff;
  padding: 30px;
  padding-top: 100px;
  padding-bottom: 100px;
  line-height: 2;
  color: #aliceblue;
  font-weight: bold;
  border-radius: 20px;
  box-shadow: 20px 15px 20px 0px rgba(0,0,0,0.3);
  background: -webkit-linear-gradient(left, #457db2, #8ac8f1);
}
```

Thẻ *class="from"* được định dạng màu background là trắng, phần khung nền cách nội dung 30px, phía trên và dưới cách nội dung 100px, khoảng cách dòng 2px, màu chữ, in đậm chữ, bo viền góc 20px, tạo bóng cho box và màu nền loan từ trái sang phải.

```
#styleform{
  border-radius: 10px;
  padding-top: 8px;
  padding-bottom: 8px;
  width: 250px;
  border: 1px solid #pink;
  margin-bottom: 10px;
  font-style: italic;
  background: none;
}
```

Thẻ *styleform* được định dạng bo viền góc 10px, khung viền cách phía trên và dưới nội dung 8px, chiều dài box là 250px, màu viền là hồng và độ dày 1px, font chữ in nghiêng và không có background.

```
.input .button1, #regis{
  margin: auto;
  padding: 10px 30px;
  text-transform: uppercase;
  border-radius: 20px;
  color: #white;
  display: block;
  border: none;
  background: #1f4e79;
}
```

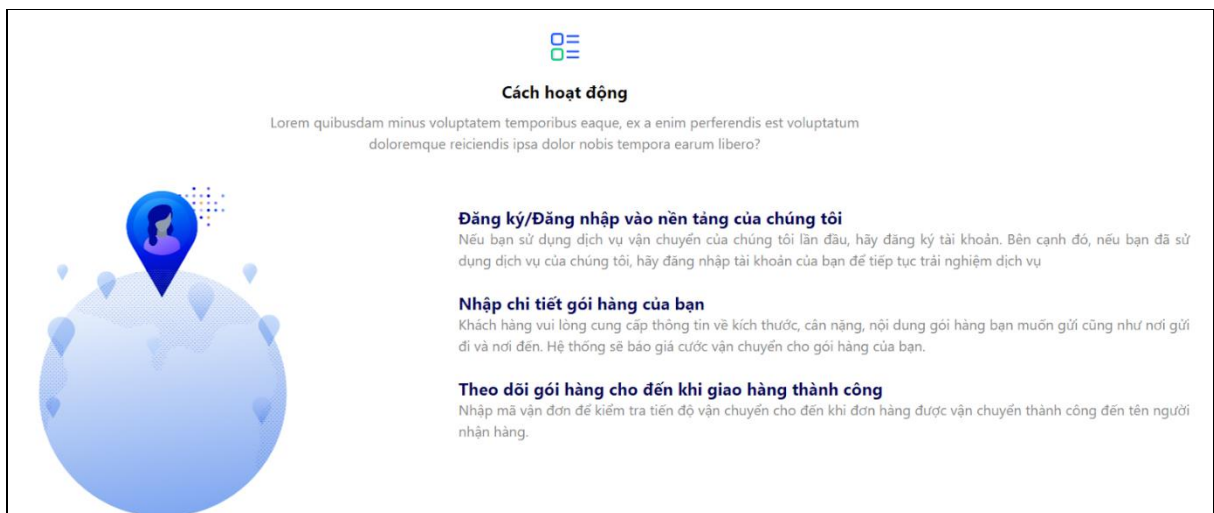
Định dạng thẻ `<input>` và `<button>` canh lề tự động, khung viền cách nội dung trên dưới 10px, trái phải 30px, nội dung được caplock, chữ màu trắng, không có viền và nền màu xanh.

```
.form1{
  color: white;
  font-weight: bold;
  max-width: 390px;
  background: #fff;
  padding: 30px;
  border-radius: 5px;
  box-shadow: 0px 15px 20px rgba(0,0,0,0.3);
  background: -webkit-linear-gradient(left, #457db2, #8ac8f1);
}
```

Thẻ `<form1>` được định dạng màu chữ, độ dày font chữ, chiều ngang tối đa 390px, màu nền, khung nền cách nội dung 30px, bo tròn viền góc 5px, đổ bóng cho box, màu nền loan màu từ trái sang phải.

2.6. Hoạt động

Giao diện:



HTML:

```
<div id="head1">
  
  <br>
  <h2>Cách hoạt động</h2>
  <p>Lorem quibusdam minus voluptatem temporibus eaque, ex a enim perferendis est voluptatum doloremque reiciendis ipsa dolor nobis tempora earum libero?</p>
</div>
<br style="clear: both;">
<div id="container">
  <div class="qua_cau">
    
  </div>
  <div class="content">
    <h2>Đăng ký/Đăng nhập vào nền tảng của chúng tôi</h2>
    <p>Nếu bạn sử dụng dịch vụ vận chuyển của chúng tôi lần đầu, hãy đăng ký tài khoản. Bên cạnh đó, nếu bạn đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi, hãy đăng nhập tài khoản.</p>
    <h2>Nhập chi tiết gói hàng của bạn</h2>
    <p>Khách hàng vui lòng cung cấp thông tin về kích thước, cân nặng, nội dung gói hàng bạn muốn gửi cũng như nơi gửi đi và nơi đến. Hệ thống sẽ báo giá cước.</p>
    <h2>Theo dõi gói hàng cho đến khi giao hàng thành công</h2>
    <p>Nhập mã vận đơn để kiểm tra tiến độ vận chuyển cho đến khi đơn hàng được vận chuyển thành công đến tên người nhận hàng.</p>
  </div>
</div>
```

Phần Hoạt **động** được chia thành 2 phần chính.

Phần `<div id= "head1">` chứa một hình ảnh, tiêu đề h2 và đoạn văn ngắn được định dạng bởi **head1**

Phần `<div id= "container">` chứa hình ảnh một quả cầu, và một đoạn chứa các tiêu đề và đoạn văn.

CSS:

```
#head1{
  width: 900px;
  margin-right: auto;
  margin-left: auto;
}
#head1 img{
  display: block;
  margin-left: auto;
  margin-right: auto;
}
#head1 h2{
  text-align: center;
  padding-bottom: 10px;
}
#head1 p{
  text-align: center;
  font-size: 20px;
  color: #888;
}
#container{
  width: 100%;
  padding-left: 100px;
  position: relative;
  transition: all 0.5s;
}
.qua_cau{
  animation: MoveUpDown 10s linear infinite;
  position: relative;
  float: left;
}
.qua_cau img{
  width: 50%;
  height: 50%;
}
```

Phần head1 được định dạng với chiều rộng 900px và canh lề trái phải tự động. Hình ảnh ở phần head1 cũng được canh lề tương tự. Tiêu đề h2 được canh giữa, cách phía dưới 10px, đoạn văn ở phần head1 cũng được canh giữa, định dạng cỡ chữ và màu sắc.

Ở phần **#container** được định dạng 100% chiều rộng của màn hình, cách bên trái 100px, tất cả các hiệu ứng xảy ra trong vòng 0.5s và vị trí của thành phần này không ảnh hưởng đến các thành phần khác.

Hình ảnh quả cầu được gán với hiệu ứng MoveUpDown, hiệu ứng này xảy ra trong vòng 10s và xảy ra mãi mãi, được đặt ở vị trí bên trái màn hình bởi định dạng float:left và định dạng position relative;

Hình ảnh quả cầu được định dạng 50% chiều dài và 50% chiều rộng so với hình ảnh quả cầu ban đầu.

```
@keyframes MoveUpDown {
  0%, 100%{
    bottom: 0;
  }
  50%{
    bottom: 20px;
  }
}

.content{
  padding-top: 50px;
  position: absolute;
  padding-left: 700px;
  padding-right: 70px;
  line-height: 30px;
  color: rgb(5, 5, 100);
}

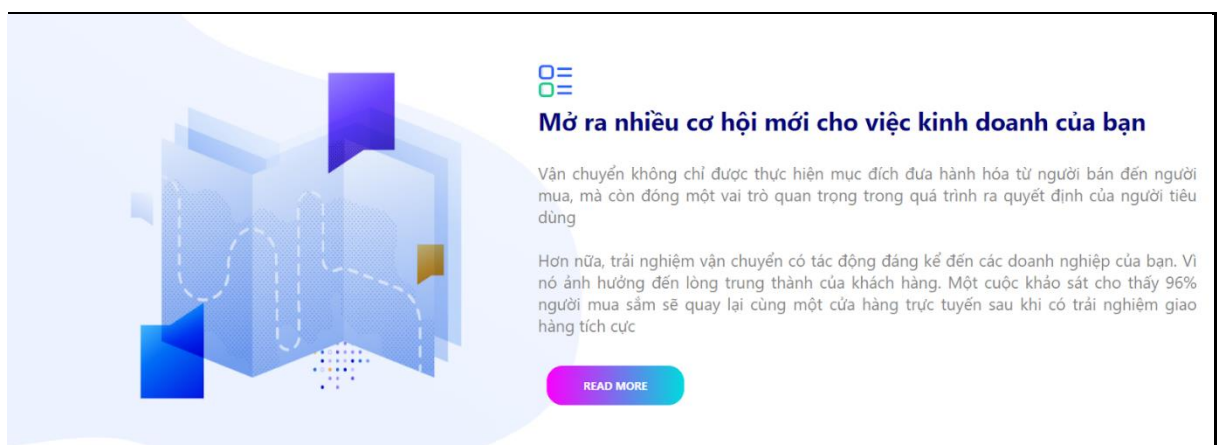
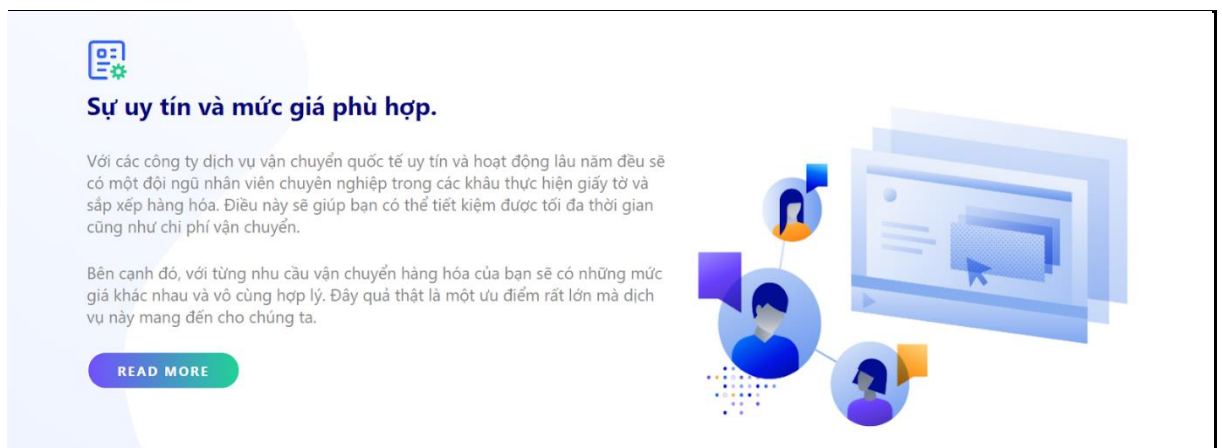
.content p{
  color: #888;
  font-size: 20px;
  text-align: justify;
}
```

keyframes MoveUpDown được tạo ra với hiệu ứng di chuyển lên xuống, khi bắt đầu và hoàn thành hiệu ứng, vị trí của quả cầu không đổi so với ban đầu, khi thực hiện 50% hiệu ứng, quả cầu sẽ di chuyển xuống dưới 20px.

.content được định dạng căn lề, vị trí chông đề lên quả cầu, kích thước giữa các dòng, màu chữ.

.content p định dạng cho các thẻ p trong div, các thẻ p được định dạng màu chữ, cỡ chữ, và canh lề 2 bên

Những thành phần phía dưới, cũng định dạng tương tự như trên.



2.. Dịch vụ

Giao diện:



HTML:

```
<div id="service">
  
  <h2>Các Dịch Vụ chính</h2>
  <p>Lorem ipsum dolor sit amet, consectetur adipiscing elit. Sed quis accumsan nisi Ut ut felis congue nisl hendrerit commodo.
</p>
</div>
<br><br>
<div class="dichvu">
  <div class="dv1">
    
    <h2><a href="#International.html">Vận chuyển quốc tế</a></h2>
    <p>Molestiae possimus repellendus eos mollitia amet corporis quisquam distinctio quia et soluta dolores pariatur, nulla voluptatum officia corrupti hic quidem t
  </div>
  <div class="dv2">
    
    <h2><a href="#">Giao hàng nội địa</a></h2>
    <p>Molestiae possimus repellendus eos mollitia amet corporis quisquam distinctio quia et soluta dolores pariatur, nulla voluptatum officia corrupti hic quidem t
  </div>
  <div class="dv3">
    
    <h2><a href="#">Giao hàng trong ngày</a></h2>
    <p>Molestiae possimus repellendus eos mollitia amet corporis quisquam distinctio quia et soluta dolores pariatur, nulla voluptatum officia corrupti hic quidem t
  </div>
</div>
```

Phần dịch vụ được phân ra thành 2 div lớn.

Phần <div id= “service”> chứa hình ảnh, tiêu đề h2 và đoạn văn (thẻ p)

Phần <div class= “dichvu”> là một div lớn, chứa 3 div nhỏ, mỗi div đại diện cho mỗi dịch vụ được thể hiện ở phần giao diện ở trên và được định dạng bởi 3 class lần lượt là dv1, dv2, dv3. Trong mỗi div nhỏ chứa hình ảnh, tiêu đề h2 có chứa đường liên kết, và thẻ p đoạn văn

CSS:

```
,
#service img{
  padding-bottom: 10px;
  margin-left: auto;
  margin-right: auto;
}
#service {
  text-align: center;
  width: 600px;
  margin: auto;
  line-height: 2;
}
#service p{
  color: ■ #888;
  font-size: 20px;
  line-height: 27px;
  padding-right: 20px;
}
```

#Service định dạng căn lề giữa, chiều dài 600px, căn lề tự động, khoảng cách dòng.

#Service p, thẻ p trong div **Service** được định dạng màu chữ, cỡ chữ khoảng cách dòng, giãn cách bên phải 20px.

#Service img có chức năng định dạng hình ảnh trong div **Service**, định dạng kích thước, thêm khoảng trống ở dưới một khoảng 10px


```

.dichvu{
  display: flex;
  padding-right: 15%;
  padding-left: 15%;
}
.dv1{
  width: 30%;
  display: inline-block;
  text-align: center;
  background: url(https://drovakit.netlify.app/drova/img/core-img/cards-bg.png);
  padding: 20px;
  border: 2px solid #808080;
  background-color: #f0f0f0;
  border-radius: 10px;
  background-position: center;
  box-shadow: 0 0 20px #808080;
  transition: all .3s;
  height: 400px;
}
.dv1 h2 a, .dv2 h2 a, .dv3 h2 a, .dv4 h2 a, .dv5 h2 a, .dv6 h2 a{
  text-decoration: none;
}
.dv1 p{
  line-height: 2;
  padding-top: 5px;
}
.dv1: hover{
  color: #000000;
  background-color: #808080;
  background-size: cover;
  font-size: 18px;
}

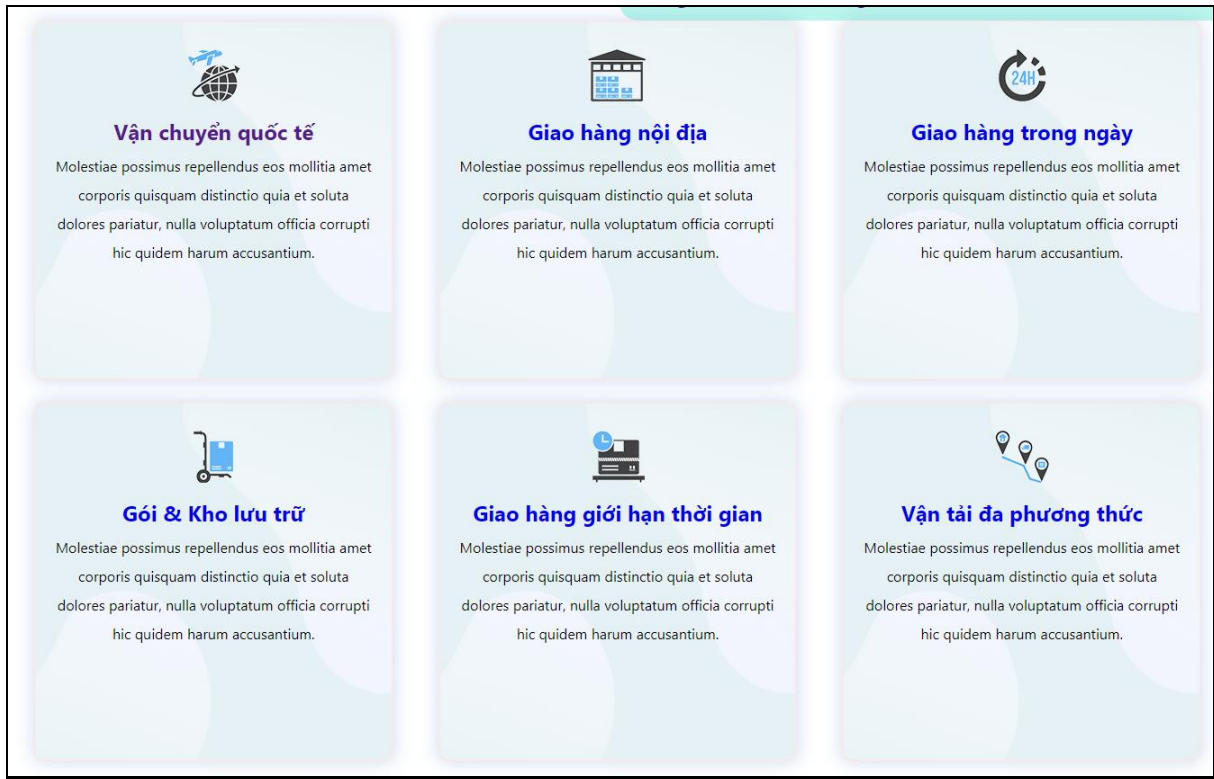
```

.dichvu định dạng các phần tử được sắp xếp theo hàng ngang, không xuống dòng khi được định dạng `display: flex;`. Ngoài ra, chứa khoảng trống bên trái và bên phải 15% chiều dài của kích thước màn hình.

.dv1 định dạng div con của **.dichvu**, **.dv1** định dạng cho phần tử nhỏ, định dạng 1 dịch vụ cụ thể. **.dv1** định dạng kích thước chiều dài là 30%, căn lề giữa, thêm background bằng hình ảnh, khoảng cách giữa nội dung đến viền ở 4 phía là 20px, viền 2px và tô màu cho viền, tô màu nền, bo tròn các góc cạnh, tạo bóng, chỉnh hình nền chính giữa thẻ, chiều cao 400px và cuối cùng là tất cả hiệu ứng được thực hiện trong khoảng thời gian 0.3s. Hơn nữa, thẻ a trong div **.dv1** và tất cả div khác trong phần dịch vụ đều bỏ dấu gạch chân ở dưới mỗi từ. Đoạn văn được định dạng khoảng cách giữa các dòng và tạo khoảng trống giữa lề trên và nội dung một khoảng 5px.

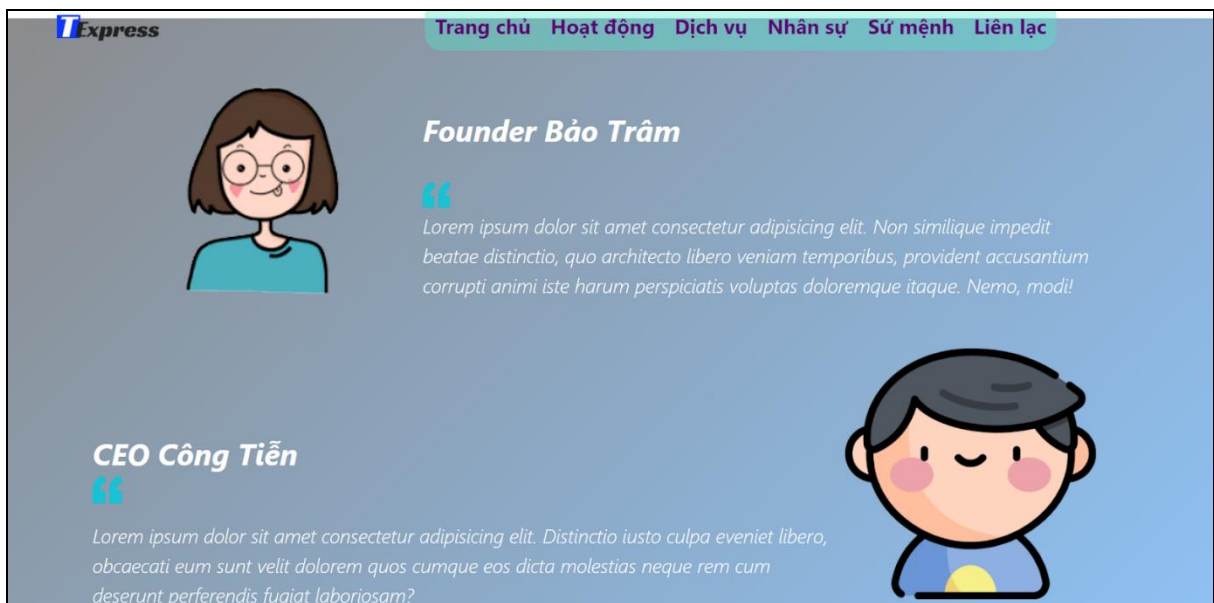
.dv1: hover là tạo hiệu ứng khi người dùng di chuột đến, ở đây **.dv1: hover** được định dạng khi người dùng rê chuột đến, màu chữ, nền và cỡ chữ sẽ thay đổi.

Tương tự như thế, các dv2,dv3,dv4,dv5,dv6 cũng thực hiện gần như là tương tự, tạo ra giao diện như sau.



2.8. Nhân sự

Giao diện:



HTML:

```
<div id="BoD">
  
  <h2>Ban Điều Hành</h2>
  <p>Công ty cổ phần Logistic Flash với sự lãnh đạo của 2 giám đốc chủ chốt sau đây</p>
</div>
<div class="Nhansu">
  <div class="BoD1">
    
    <div class="Baotram">
      <h2>Founder Bảo Trâm</h2>
      <br>
      
      <p>Lorem ipsum dolor sit amet consectetur adipisicing elit. Non similique impedit beatae distinctio, quo architecto libero veniam temporibus, provident</p>
    </div>
  </div>
  <div class="BoD2">
    <div class="Congtien">
      <h2>CEO Công Tiễn</h2>
      
      <p>Lorem ipsum dolor sit amet consectetur adipisicing elit. Distinctio iusto culpa eveniet libero, obcaecati eum sunt velit dolorem quos cumque eos dict</p>
    </div>
    
  </div>
</div>
```

Ở phần **Nhân sự**, có 2 div lớn, đó là `<div id= "BoD">` và `<div class= "Nhansu">`.

`<div id= "BoD" >` có một hình ảnh được gán vào, tiêu đề h2 và đoạn văn (thẻ p).

`<div class= "Nhansu">` là một div lớn, chứa 2 div con là div BoD1 và BoD2.

Trong phần BoD1 chứa một hình ảnh và một div con BaoTram , trong div này chứa một tiêu đề h2, hình ảnh được chèn vào, và một thẻ p.

Ở phần **BoD2** có chứa một div con **Congtien** , trong div này lần lượt chứa tiêu đề h2, hình ảnh, và đoạn văn (thẻ p), dưới đó chứa một hình ảnh.

CSS:

```
#BoD img{
  padding-bottom: 10px;
  display: block;
  margin-left: auto;
  margin-right: auto;
}
#BoD{
  text-align: center;
  width: 600px;
  margin: auto;
  line-height: 2;
}
#BoD p{
  color: #888;
  font-size: 20px;
  line-height: 27px;
  justify-content: center;
  padding-right: 20px;
  text-align: center;
}
.Nhansu{
  margin-top: 20px;
  background-color: #62626298;
  background-image: linear-gradient(135deg, #6262625b 0%, #8ec1f3 100%);
}
.BoD1, .BoD2{
  display: flex;
  position: relative;
}
.BoD1 img{
  float: left;
  margin-left: 10%;
  position: relative;
}
```

#BoD chứa các định dạng về căn lề giữa, chiều dài 600px, canh lề tự động và khoảng cách giữa các dòng.

#BoD img chứa các định dạng về canh giữa tự động và cách ở dưới 10px

#BoD p chứa các định dạng thẻ p có trong **BoD**, tô màu cho chữ, kích cỡ, khoảng cách giữa các dòng, căn lề giữa cho đoạn văn.

.Nhansu chứa các định dạng như cách ở trên 20px, tô màu nền và chèn màu nền gradient, loan màu từ trái sang phải một 135 độ.

.BoD1, **.BoD2** có cùng một định dạng, định dạng các thành phần có trong nó được sắp xếp theo hàng ngang, không xuống dòng và vị trí của nó không ảnh hưởng đến các vị trí xung quanh của các thành phần khác.

.BoD1 img là định dạng thẻ `img` ở trong **BoD1**, hình ảnh trong **BoD1** được đặt bên trái bởi lệnh `float: left` và cách trái 10% chiều dài màn hình.

```
.Baotram{
  float: inline-end;
  margin: auto;
  padding-top: 50px;
  font-size: 24px;
  padding-right: 10%;
  color: ■ #ffffff;
  font-style: italic;
  font-weight: lighter;
}
.BoD2 img{
  height: 30%;
  width: 30%;
  padding-right: 10%;
  padding-bottom: 10px;
}
.Congtien{
  float: left;
  margin: auto;
  padding-top: 100px;
  font-size: 24px;
  padding-left: 10%;
  color: ■ #ffffff;
  font-style: italic;
  font-weight: lighter;
}
.Baotram img{
  width: 4%;
  height: 4%;
  margin-left: 0;
}
.Congtien img{
  width: 14%;
  height: 14%;
  margin-left: 0;
}
```

.Baotram định dạng vị trí liên kề bên phải thành phần **BoD1 img**, canh lề tự động, chỉnh kích cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ độ dày của chữ và chừa bên phải một khoảng 10% chiều dài của màn hình.

.Baotram img, **.Congtien img** có chức năng định dạng kích thước và canh lề hình ảnh nó chứa.

.BoD2 img định dạng kích thước hình ảnh và căn lề bên trái và bên dưới.

.Congtien được định dạng như sau, vị trí giao diện đặt ở bên trái, canh lề tự động, chỉnh kích cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ độ dày của chữ và chừa bên trái một khoảng 10% chiều dài của màn hình.

2.9. Sứ mệnh

Giao diện:



HTML và Js:

```
<div id="Aim">
  
  <h2>Sứ mệnh và mục tiêu</h2>
  <p>Công ty cổ phần Logistic Flash với những xứ mệnh lớn lao, hướng đến trở thành công ty vận chuyển hàng đầu thế giới</p>
</div>
<br>

<div class="pic">
  
</div>
<script>
  var i=0;
  ChangeImage = function(){
    var pics = ["1.png","2.png","3.png"];
    document.getElementById('pic').src = pics[i];
    i++;
    if (i==3){
      i=0;
    }
  }
  setInterval(ChangeImage,1500);
</script>
```

Trong phần sứ mệnh, có 2 phần như sau

Trong phần `<div id= "Aim">` chứa hình ảnh, tiêu đề h2 và thẻ p chứa đoạn văn.

Dưới đó, ta có đoạn `<div class= “pic”>`, trong này chứa một hình ảnh, “1.png” và với sự kiện ***onclick= “ChangImage()”*** được khai báo ở dưới phần javascript. Mỗi khi bấm vào hình ảnh, sẽ gọi hàm ***ChangImage()*** ra để thực hiện.

Giải thích đoạn Js:

```
<script>
```

```
var i=0; /**khai báo và gán biến i=0**/
```

```
ChangeImage = function(){
```

```
    var pics = ["1.png","2.png","3.png"]; /**Gán biến pics bằng một mảng chứa 3 hình ảnh lần lượt là 1.png 2.png 3.png**/
```

```
    document.getElementById('pic').src = pics[i]; /**Trả về phần tử có thuộc tính pic với từng hình ảnh trong mảng**/
```

```
    i++; /**Tăng i lên 1 đơn vị**/
```

```
    if (i==3){
```

```
        i=0;
```

```
    } /**Nếu tăng đến i =3 thì i trở về 0 và tiếp tục vòng lặp như thế**/
```

```
}
```

```
setInterval(ChangeImage,1500); /**Tự động thực hiện hàm ChangeImage cứ sau 1.5s**/
```

```
</script>
```

CSS:

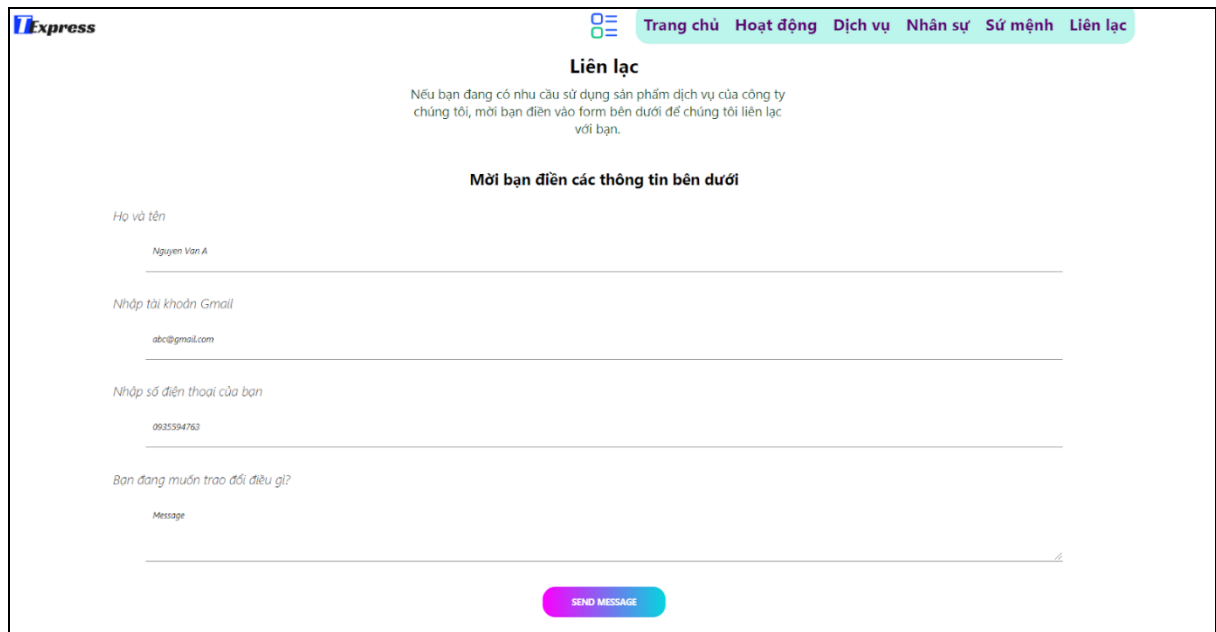
```

#pic {
  width: 100%;
  background-size: cover;
}
```

Định dạng hình ảnh với chiều dài 100% và kích cỡ hình ảnh là một ảnh bìa khi sử dụng định dạng background-size: cover;

2.10. Liên lạc

Giao diện:



The screenshot shows a web interface for 'Express' with a navigation bar containing links: Trang chủ, Hoạt động, Dịch vụ, Nhân sự, Sứ mệnh, and Liên lạc. The 'Liên lạc' (Contact) page is active. It features a heading 'Liên lạc' and a paragraph explaining the purpose of the form. Below this, a bold instruction asks users to fill in their information. The form includes five input fields: 'Họ và tên' (Name) with the value 'Nguyễn Văn A', 'Nhập tài khoản Gmail' (Gmail account) with 'abc@gmail.com', 'Nhập số điện thoại của bạn' (Phone number) with '0935594763', and 'Bạn đang muốn trao đổi điều gì?' (What do you want to discuss?). The last field is a text area labeled 'Message'. A 'SEND MESSAGE' button is at the bottom right.

HTML:

```
<div id="contact2">
  <div id="Lienlac">
    
    <h2>Liên lạc</h2>
    <p>Nếu bạn đang có nhu cầu sử dụng sản phẩm dịch vụ của công ty chúng tôi, mời bạn điền vào form bên dưới để chúng tôi liên lạc với bạn.</p>
  </div>
  <div class="form">
    <h2>Mời bạn điền các thông tin bên dưới</h2>
    <form>
      <p class="bold">Họ và tên</p>
      <input type="text" id="styleform" name="name" value="Nguyễn Văn A"><br><br>
      <p class="bold">Nhập tài khoản Gmail</p>
      <input type="text" id="styleform" name="Gmail" value="abc@gmail.com"><br><br>
      <p class="bold">Nhập số điện thoại của bạn</p>
      <input type="number" id="styleform" name="number" value="0935594763"><br><br>
      <p class="bold">Bạn đang muốn trao đổi điều gì?</p>
      <textarea name="message" id="styleform">Message</textarea><br><br>
    </form>
    <button><a href="#">Send Message</a></button>
  </div>
</div>
```

Trong phần liên hệ, có 3 phần như sau

Phần `<div id= "Lienlac">` là div con trong phần div lớn là `<div id= "contact2">`.

Trong phần `<div id= "Lienlac">` chứa hình ảnh, tiêu đề h2 và thẻ p chứa đoạn văn.

Phần `<div class= “form”>` chứa tiêu đề h2 và một biểu mẫu dành cho người dùng điền vào và ngoài ra chứa một **Button**. Các thẻ input được định dạng bởi `id= “styleform”` và những tiêu đề cũng được định dạng bởi `class= “bold”`, các thẻ input cũng được định dạng bởi `id= “styleform”`

CSS:

```
5  √ #contact2{
6      width: 100%;
7      height: fit-content;
8      padding: 10px;
9  }
10 √ #Lienlac {
11     text-align: center;
12     width: 600px;
13     margin: auto;
14     line-height: 2;
15     font-size: 20px;
16 }
17 √ #Lienlac p{
18     color: ■ rgb(3, 80, 48);
19     line-height: 27px;
20 }
21 √ #styleform{
22     border: none;
23     padding: 10px;
24     width: 70%;
25     line-height: 3;
26     border-bottom: 2px solid ■ #888;
27     margin-bottom: 10px;
28     font-style: italic;
29     background: none;
30 }
31 √ .form{
32     text-align: center;
33 }
```

Phần div lớn **<div id= “contact2”>** được định dạng với chiều rộng 100% màn hình, chiều cao vừa với chiều cao của phần nội dung, chừa khoảng trống ở 4 phía, trái, phải, trên dưới một khoảng 10px.

Phần định dạng **#Lienlac** định dạng canh lề giữa của các thẻ nằm trong nó, chiều rộng 600px, canh lề tự động, khoảng cách giữa các dòng và kích thước chữ.

Phần định dạng **#Lienlac p** là định dạng các thẻ p trong đoạn **<div id= “Lienlac”>**, đoạn định dạng này gồm các định dạng như màu sắc và khoảng cách giữa các dòng trong đoạn văn của thẻ p.

Phần **#styleform** định dạng thẻ **input** trong phần **<div id= “form”>**, định dạng không viền, tạo khoảng trống xung quanh một khoảng 10px, chiều rộng bằng 70% chiều rộng của màn hình thiết bị, khoảng trống giữa các dòng, kẻ viền dưới 2px và tô màu, dịch chuyển lên trên 10px, chữ in nghiêng và không sử dụng màu nền.

Phần biểu mẫu được định dạng bởi đoạn css **.form**, các thẻ trong **div class= “form”** được định dạng căn lề giữa.

```
.bold{
  font-size: 20px;
  font-style: italic;
  text-align: justify;
  margin-left: 250px;
  padding-bottom: 10px;
  font-weight: lighter;
}

.form button{
  margin: auto;
  padding: 15px 45px;
  text-align: center;
  text-transform: uppercase;
  transition: 0.5s;
  background-size: 200% auto;
  color: white;
  border-radius: 20px;
  display: block;
  font-weight: bold;
  border: none;
  background-image: linear-gradient(to right, #fc00ff 0%, #00dbde 51%, #fc00ff 100%);
}

.form button a{
  text-decoration: none;
  color: white;
}

.form button:hover{
  background-position: right center;
  color: #fff;
  box-shadow: 1px 1px 1px 1px rgb(59, 154, 233);
  text-decoration: none;
  transition-delay: 0.5ms;
}
```

Phần *.bold* định dạng các thẻ p trong *div class= "form"*, căn lề 2 bên đoạn văn, cách lề trái 250px, tạo khoảng trống phía dưới 10px và độ dày của chữ mỏng, cỡ chữ 20px, kiểu chữ in nghiêng, canh lề 2 bên

Phần *.form button* định dạng thẻ *Button* trong *<div class= "form">*, định dạng căn lề tự động, tạo khoảng trống bên trái và bên phải 45px và trên dưới một khoảng 15px, canh lề chính giữa, in hoa đoạn text trong button, hiệu ứng xuất hiện trong 0.5s, kích thước nền, màu chữ, bo tròn viền, kiểu chữ in hoa, không dùng viền, và màu nền sử dụng màu gradient loan màu từ trái sang phải.

Phần *.form button a* định dạng thẻ a trong *button*, định dạng không trang trí chữ, màu chữ trắng.

Phần ***form button: hover*** định dạng hiệu ứng xảy ra khi người dùng rê chuột đến ***button***, khi người dùng rê chuột, sẽ thay đổi màu nền, màu chữ, thêm bóng của button, và hiệu ứng diễn ra sau 0.5ms hành động rê chuột của người dùng.

2.11. Footer

Giao diện:



HTML:

```
<footer class="footer">
  <div class="container">
    <div class="row">
      <div class="footer-col">
        <h4>Công ty</h4>
        <ul>
          <li><a href="#">Trang chủ</a></li>
          <li><a href="#">Dịch vụ</a></li>
          <li><a href="#">Chính sách bảo mật</a></li>
          <li><a href="#">Ban điều hành</a></li>
        </ul>
      </div>
      <div class="footer-col">
        <h4>Hỗ trợ</h4>
        <ul>
          <li><a href="#">FAQ</a></li>
          <li><a href="#">Vận chuyển</a></li>
          <li><a href="#">thanh toán</a></li>
          <li><a href="#">Giá thành</a></li>
          <li><a href="#">Bảo mật</a></li>
        </ul>
      </div>
      <div class="footer-col">
        <h4>Theo dõi</h4>
        <ul>
          <li><a href="#">Đơn hàng</a></li>
          <li><a href="#">Đóng gói</a></li>
          <li><a href="#">Đơn vị vận chuyển</a></li>
        </ul>
      </div>
      <div class="footer-col">
        <h4>Theo dõi</h4>
        <div class="social-icon">
          <a href="#"><i class="fab fa-facebook-f"></i></a>
          <a href="#"><i class="fab fa-twitter"></i></a>
          <a href="#"><i class="fab fa-instagram"></i></a>
          <a href="#"><i class="fab fa-linkedin-in"></i></a>
        </div>
      </div>
    </div>
  </div>
</footer>
```

Ở phần ***Footer*** ta dùng thẻ ***<Footer class= "footer">*** là một thẻ lớn, chứa các div nhỏ bên trong, và được định dạng bởi ***class= "footer"***.

Phần `<div class="container">` là div con của `<Footer class="footer">` và được định dạng bởi `class="container"`. Kế tiếp, phần `<div class="row">` là phần con của `<div class="container">` và được định dạng bởi `class="row"`.

Trong phần `<div class="row">` chứa 4 đoạn div có cùng một class đó là `<div class="footer-col">` và cũng được định dạng bởi `class="footer-col"`. Ở 4 đoạn div đều có tiêu đề h4 và một danh sách `` với một số phân tử được liệt kê ``

Ở đoạn div cuối, `<div class="social-col">` chứa một tiêu đề h4 và danh sách các icon được lấy từ nguồn đã khai báo ở trên.

```
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="https://cdnjs.cloudflare.com/ajax/libs/font-awesome/5.15.1/css/all.min.css">
```

CSS:

```
,
#bottom{
  display: flex;
  position: relative;
  height: 300px;
}
.container{
  max-width: 100%;
  margin:auto;
  height: auto;
  display:block;
  text-align: center;
}
.row{
  display: flex;
}
ul{
  list-style: none;
}
.footer{
  background-color: #24262b;
  padding: 70px;
}
.footer-col{
  width: 25%;
  height: auto;
}
```

Phần **#bottom** định dạng cho div lớn nhất trong phần **Footer** `<footer class="footer">`, ở đây được định dạng tô màu nền và chứa khoảng trống ở 4 phía, mỗi phía 70px.

Phần **.container** định dạng cho các câu lệnh trong `<div class="container">`, phần này được định dạng chiều rộng tối đa là 100%, giao diện phù hợp với mọi thiết bị, canh lề tự động, chiều cao tự động, canh lề giữa mọi thành phần trong div này bằng 2 câu lệnh **display:block; text-align: center;**

Phần **.row** định dạng cho các câu lệnh trong `<div class="row">`, phần này được định dạng sắp xếp các 4 đoạn div con nằm trong nó hiển thị theo một hàng ngang.

Phần *`ul{list-style: none;}`* được hiểu là định dạng xóa các ký tự dùng để liệt kê khi thẻ ul thực hiện.

Phần *`footer-col`* được định dạng cho các câu lệnh trong *`<div class="footer-col">`*, định dạng chiều rộng cho từng cột là 25% chiều rộng màn hình cho mỗi thiết bị khác nhau và chiều cao sẽ thay đổi tự động phù hợp cho màn hình của từng thiết bị.

```

    }
    .footer-col h4{
        font-size: 18px;
        margin-bottom: 35px;
        font-weight: 500;
        position: relative;
    }
    .footer-col h4{
        text-transform: uppercase;
        color: rgb(108, 200, 253);
    }
    .footer-col ul li{
        margin-bottom: 10px;
    }
    .footer-col ul li a{
        font-size: 16px;
        text-transform: capitalize;
        text-decoration: none;
        font-weight: 500;
        color: #bbbbbb;
        transition: all 0.3s ease;
    }
    .footer-col ul li a:hover{
        color: #ffffff;
        padding-left: 8px;
    }
    .footer-col .social-icon a{
        display: inline-block;
        height: 40px;
        width: 40px;
        color: white;
        transition: all 0.5s ease;
    }
    .footer-col .social-icon a:hover{
        background-color: rgba(255,255,255,0.2);
        margin: 0 10px 10px 0;
        text-align: center;
        line-height: 40px;
        border-radius: 50%;
        color: #ffffff;
        display: inline-block;
    }
}

```

Phần *.footer-col h4* định dạng cho các thẻ h4 nằm trong `<div class="footer-col">` với định dạng cỡ chữ, màu chữ, độ dày của chữ, vị trí không ảnh hưởng đến các thẻ khác xung quanh. Ngoài ra, còn in hoa các chữ của thẻ h4.

Phần *.footer-col ul li* định dạng các thẻ *li* nằm trong `<div class="footer-col">`, với định dạng cách bên dưới 10px.

Phần ***.footer-col ul li a*** định dạng các thẻ `` `<a...>` nằm trong `<div class="footer-col">`, với định dạng kích thước chữ, in hoa chữ cái đầu của từng từ, định dạng màu sắc, xóa bỏ dấu gạch dưới chân của đoạn text trong thẻ a, độ dày chữ, màu chữ, tất cả hiện ứng xảy ra trong 0.3s.

Phần ***.footer-col ul li a:hover*** được định dạng khi người dùng rê chuột đến, hiệu ứng đổi chữ sang màu trắng và sang bên phải 8px sẽ được thực hiện.


Phần ***.footer-col .social-icon a*** được định dạng cho các icon có trong footer, tất cả các icon có trong thẻ `<div class="social-icon">` được chỉnh chiều cao, chiều rộng của icon, màu icon, thời gian thực hiện hiệu ứng xuất hiện.

Phần ***.footer-col .social-icon a:hover*** đoạn định dạng này có nghĩa là khi người dùng rê chuột đến, các icon sẽ thay đổi màu nền, căn lề, di chuyển xuống dưới, bo thành hình tròn, màu sắc,...


2.12. Sản phẩm

Giao diện:

[Trang chủ](#) [Hoạt động](#) [Dịch vụ](#) [Nhân sự](#) [Sứ mệnh](#) [Liên lạc](#)



VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG



Trong kỷ nguyên mới, ngành vận tải hàng không là hoạt động thiết yếu và không thể tách rời cho bất cứ cá nhân/tổ chức nào muốn phát triển mạng lưới kinh doanh và tạo nên thương hiệu toàn cầu. Sự phát triển nhanh chóng của internet và công nghệ số đưa ngành vận tải hàng không từng bước có sự thay đổi theo chiều hướng: Nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian, tối ưu chi phí cho một hoặc nhiều lô hàng.

Xuất khẩu bằng vận tải hàng không là một giải pháp quan trọng, nếu bạn cần đưa sản phẩm của mình đến điểm đích trong một khung thời gian nhanh chóng, để thỏa mãn sự kịp thời cũng như mức độ cần thiết cho các hoạt động kinh doanh của bạn.

Là đại lý của các hãng hàng không lớn nhất thế giới: Vietnam Airlines, Singapore Airlines, Thai Airways, Malaysia Airlines, Japan Airlines, China Airlines, Eva Air, Korean Airlines

Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không của WinGo Logistics sẽ giúp bạn giải quyết vấn đề kịp thời mà cả nhân/doanh nghiệp bạn đang cần.

Chúng tôi hỗ trợ các gói vận chuyển bằng đường hàng không phù hợp nhất cho doanh nghiệp của bạn.

Các dịch vụ chúng tôi vận chuyển gồm:

Dịch vụ bay thông thường với giá cả thấp, thời gian đi từ 1-2 ngày đối với nơi đến trong khu vực Châu Á, 2-3 ngày đối với các nơi đến trong khu vực Châu Mỹ

Dịch vụ bay nhanh với chi phí cao hơn dịch vụ thường, chúng tôi đảm bảo hàng hóa đi trong vòng 2-7 giờ đối với các khu vực Châu Á, trong vòng 24 giờ đối với các nơi đến trong khu vực Châu Âu, Mỹ.

Dịch vụ bay trực tiếp cho các nơi đến trong khu vực Châu Á như Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Campuchia...

Dịch vụ kết hợp vận chuyển đường biển và đường hàng không nhằm giảm chi phí tối đa nhưng vẫn đảm bảo hàng hóa đến nơi đúng theo yêu cầu

Dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm, hàng thực phẩm tươi sống theo quy định của hiệp hội hàng không quốc tế.

Dịch vụ vận chuyển hàng nhập từ tất cả các sân bay trên thế giới về Việt Nam tại sân bay Tân Sơn Nhất và Nội Bài.

Cùng nhau hợp tác và hành động

Không có gì chứng minh điều này tốt hơn văn hóa "CHIA SẺ & KẾT NỐI" của chúng tôi; chia sẻ quan điểm của bạn và những thách thức của bạn trong khi tìm kiếm các giải pháp sáng tạo đáp ứng nhu cầu của ngày hôm nay và cho phép các cơ hội của ngày mai.

Wingo Logistics đề cao giá trị của sự "HỢP TÁC". Vì chúng tôi hiểu, sự hợp tác sẽ tối ưu các dịch vụ và tập trung vào khách hàng một cách hiệu quả nhất. Chúng tôi cố gắng mang lại giá trị nhiều hơn cho khách hàng bằng sự "HỢP TÁC".

Dịch vụ dựa trên thời gian

Chuyến phát nhanh: Từ 1-2 ngày đối với hàng hóa khẩn cấp

Phát hàng tiêu chuẩn: Từ 3-5 ngày, lựa chọn linh hoạt

Lựa chọn dịch vụ tiết kiệm: Từ 5-7 ngày, tối đa hóa hiệu quả chi phí

Dịch vụ đặc biệt, cân bằng năng lực, tốc độ và chi phí.

Dịch vụ dựa trên các điều kiện lựa chọn

Airport to Airport

Airport to Door

Door to Airport

Door to door

Air Charter

Các đối tác chính



Số điện thoại
0935584626

Số điện thoại
031812329

Số điện thoại
conglienthuyh2001@gmail.com

HTML:

```
<div class="br"></div>
<br style="clear: both;">
<div class="name">
  <h2>VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG</h2>
</div>
<br>

```

Tiêu đề `<h2>` chứa nội dung Vận chuyển quốc tế nằm trong thẻ `<div>` thuộc tính `class="name"`. Thẻ `img` hiển thị hình ảnh được liên kết với `src`.

```
<div class="content">
  <br>
  <p>Trong kỷ nguyên mới, ngành vận tải hàng không là hoạt động thiết yếu và không thể tách rời cho bất cứ cá nhân/tổ chức nào muốn phát
  <br>
  <p>Xuất khẩu bằng vận tải hàng không là một giải pháp quan trọng, nếu bạn cần đưa sản phẩm của mình đến điểm đích trong một khung thời
  <br>
  <p>Là đại lý của các hãng hàng không lớn nhất thế giới: Vietnam Airlines, Singapore Airlines, Thai Airways, Malaysia Airlines, Japan A
  <br>
  <p>Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không của WinGo Logistics sẽ giúp bạn giải quyết vấn đề kịp thời mà cá nhân/doanh nghiệp
  <br>
  <p>Chúng tôi hỗ trợ các gói vận chuyển bằng đường hàng không phù hợp nhất cho doanh nghiệp của bạn.</p>
  <h2>Các dịch vụ chúng tôi vận chuyển gồm:</h2>
  <ul>
    <li>Dịch vụ bay thông thường với giá cả thấp, thời gian đi từ 1-2 ngày đối với nơi đến trong khu vực Châu Á, 2-3 ngày đối với các n
    <li>Dịch vụ bay nhanh với chi phí cao hơn dịch vụ thường, chúng tôi đảm bảo hàng hóa đi trong vòng 2-7 giờ đối với các khu vực Châu
    <li>Dịch vụ bay trực tiếp cho các nơi đến trong khu vực Châu Á như Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, I
    <li>Dịch vụ kết hợp vận chuyển đường biển và đường hàng không nhằm giảm chi phí tối đa nhưng vẫn đảm bảo hàng hóa đến nơi đúng theo
    <li>Dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm, hàng thực phẩm tươi sống theo quy định của hiệp hội hàng không quốc tế. </li>
    <li>Dịch vụ vận chuyển hàng nhập từ tất cả các sân bay trên thế giới về Việt Nam tại sân bay Tân Sơn Nhất và Nội Bài.</li>
  </ul>
  <br>
  <h2>Chúng tôi hợp tác và hành động</h2>
  <ul>
    <li>Không có gì chứng minh điều này tốt hơn văn hóa "CHIA SẺ & KẾT NỐI" của chúng tôi; chia sẻ quan điểm của bạn và những thách thức
    <li>Wingo Logistics đề cao giá trị của sự "HỢP TÁC". Vì chúng tôi hiểu, sự hợp tác sẽ tối ưu các dịch vụ và tập trung vào khách hàn
  </ul>
  <br>
  <h2>Dịch vụ dựa trên thời gian</h2>
  <ul>
    <li>Chuyến phát nhanh: Từ 1-2 ngày đối với hàng hóa khẩn cấp</li>
    <li>Phát hàng tiêu chuẩn: Từ 3-5 ngày, lựa chọn linh hoạt</li>
    <li>Lựa chọn dịch vụ tiết kiệm: Từ 5-7 ngày, tối đa hóa hiệu quả chi phí</li>
    <li>Dịch vụ đặc biệt, cân bằng năng lực, tốc độ và chi phí.</li>
  </ul>
  <h2>Dịch vụ dựa trên các điều kiện lựa chọn</h2>
  <ul>
    <li>Airport to Airport</li>
    <li>Airport to Door</li>
    <li>Door to Airport</li>
    <li>Door to door</li>
    <li>Air Charter</li>
  </ul>
</div>
```

Phần nội dung nằm trong thẻ `<div>` với thuộc tính `class="content"`. Các tiêu đề phụ nằm trong các thẻ `<h2>`, các nội dung giới thiệu dịch vụ nằm trong thẻ `<p>` và các nội dung liệt kê nằm trong thẻ ``, con của thẻ ``.

```
<div class="partner">
  <h2>Các đối tác chính</h2>
  <div class="img_partner">
    
    
    
    
  </div>
</div>
```

Thẻ `<div class="partner">` chứa thẻ `<h2>` nội dung *Các đối tác chính* và thẻ `<div>` con có thuộc tính `class="img_partner"`.

Trong thẻ `<div class="img_partner">` chứa các thẻ `` liên kết với hình ảnh logo các đơn vị đối tác chính.

```
<div class="service">
  <div class="name_service">
    <div class="sv1">
      <h2>Số điện thoại</h2>
      <a href="tel:0935594763">0935594GQK</a>
    </div>
    <div class="sv2">
      <h2>Địa chỉ</h2>
      <a href="https://www.google.com/maps/dir/15.1424254,108.7439797/15.14241,108.7439902/@15.1401443,108.7439902,15.1424254,108.7439797/data=!3m1!1e3!3m2!1s0x108.7439902:0x15.1424254">Địa chỉ</a>
    </div>
    <div class="sv3">
      <h2>Gmail</h2>
      <a href="mailto:congtienshuynh2001@gmail.com">congtienshuynh2001@gmail.com</a>
    </div>
  </div>
</div>
```

Thanh thông tin liên hệ nằm trong thẻ `<div class="service">`, trong thẻ `<div class="service">` chứa thẻ con `<div class="name_service">`, trong thẻ `<div class="name_service">` chứa 3 thẻ con là `<div class="sv1">`, `<div class="sv2">` và `<div class="sv3">`.

Thẻ `<div class="sv1">` chứa `<h2>` nội dung *Số điện thoại* và thẻ `<a>` liên kết với `href="tel:_"` để gọi đến số điện thoại liên hệ với công ty. Thẻ `<div class="sv2">` chứa `<h2>` nội dung *Địa chỉ* và thẻ `<a>` liên kết với `href` để dẫn link đến địa chỉ công ty trong google maps. Thẻ `<div class="sv3">` chứa `<h2>` nội dung *Gmail* và thẻ `<a>` liên kết với đường link gửi mail cho công ty.

CSS:

```
*{  
  margin: 0;  
  padding: 0;  
  box-sizing: border-box;  
  font-family: 'Poppins', sans-serif;  
}
```

Định dạng cho toàn file *Login.html* các thuộc tính margin, padding bằng 0; kích thước box và font chữ là Poppins.

```
.name{  
  background-image: url(./International_transport.png);  
  background-position:center;  
  background-size: cover;  
  position: relative;  
  min-height: 300px;  
  display: block;  
}  
.name h2{  
  color: white;  
  font-family: Verdana, Geneva, Tahoma, sans-serif;  
  font-size: 35px;  
  text-align: center;  
  padding-top: 120px;  
}
```

Định dạng cho *class*=“*name*” các thuộc tính ảnh nền, hiển thị ở center, kích cỡ nền hiển thị dạng cover, chiều cao tối thiểu là 300px.

Thẻ *<h2>* thuộc *class*=“*name*” được định dạng chữ trắng, font chữ Verdana, Geneva, Tahoma, kích cỡ chữ 35px, canh lề giữa và cách khung nền phía trên 120px.

```
.content{
  width: 1120px;
  margin: auto;
  max-width: 100%;
  height: auto;
  text-align: justify;
  display: block;
  line-height: 1.5;
  font-size: 20px;
}
.content ul li{
  line-height: 1.5;
  font-size: 20px;
}
.content h2{
  color: rgb(6, 113, 184);
}
.content ul{
  list-style-position: inside;
  padding-left: 20px;
  list-style-type: symbols("-");
}
```

Định dạng cho thẻ ***class="content"*** các thuộc tính chiều rộng 1120px, canh lề tự động, chiều ngang tối đa là 100%, chiều cao tự động, khoảng cách dòng là 1.5, kích cỡ chữ 20px.

Thẻ ****** thuộc ****** thuộc thẻ ***class="name"*** được định dạng khoảng cách dòng 1.5 và kích cỡ font chữ là 20px.

Thẻ ***<h2>*** thuộc thẻ ***class="name"*** được định dạng màu chữ bằng thuộc tính color.

Thẻ ****** thuộc thẻ ***class="name"*** được định dạng loại liệt kê là inside, nội dung cách khung nền bên trái 20px.

```
.partner{
  position: relative;
}
.partner h2{
  text-align: center;
  color: rgb(2, 99, 179);
}
.img_partner{
  position: flex;
  display: block;
  margin-left: auto;
  margin-right: auto;
  width: 100%;
  text-align: center;
}
.img_partner{
  float: left;
  position: relative;
}
```

Định dạng cho thẻ ***class="partner"*** thuộc tính position là relative.

Định dạng thẻ ***<h2>*** thuộc ***class="partner"*** các thuộc tính canh lề giữa và màu sắc chữ.

Thẻ ***class="img_partner"*** được định dạng cố định, canh lề tự động, chiều rộng 100% màn hình hiển thị. Thứ tự hiển thị từ trái sang phải.

```
.service{
  width: 100%;
  background: #0c4da2;
  height: 200px;
}
.name_service{
  display: flex;
  padding-top: 10px;
  padding-bottom: 10px;
  margin: auto;
  text-align: center;
}
.sv1 h2,.sv2 h2,.sv3 h2{
  color: white;
}
.sv1 a,.sv2 a,.sv3 a{
  color: white;
  text-decoration: none;
}
.sv1{
  float: left;
  width: 33.33%;
}
.sv2{
  float: inline-end;
  width: 33.33%;
}
.sv3{
  float: inline-end;
  width: 33.33%;
}
```

Định dạng cho thẻ ***class="service"*** các thuộc tính màu nền, chiều rộng hiển thị là 100% và chiều cao hiển thị 200x.

Thẻ ***class="name_service"*** được định dạng nội dung cách khung nền phía trên và dưới một khoảng 10px, canh lề chính giữa.

Các thẻ ***<h2>*** thuộc các ***class="sv1"***, ***class="sv2"***, ***class="sv3"*** được định dạng màu chữ trắng. Các thẻ ***<a>*** thuộc các ***class="sv1"***, ***class="sv2"***, ***class="sv3"*** được định dạng màu chữ trắng và chế độ hiển thị none.

Các thẻ `class="sv1"`, `class="sv2"`, `class="sv3"` đều được định dạng float là inline-end và chiều rộng là 33,33%.

2.12. Back-end

2.12.1. Khai báo cài đặt MongoDB

```
1 var mongo = require('mongodb');
```

2.12.2. Tạo bảng Order

```
var MongoClient = require('mongodb').MongoClient;
var url = "mongodb://localhost:27017/";

MongoClient.connect(url, function(err, db){
  if (err) throw err;
  var dbo = db.db("mydb1");
  dbo.createCollection("Order", function(err, res){
    if (err) throw err;
    console.log("Collection created");
    db.close();
  });
});
```

2.12.3. Tạo bảng Products

```
var MongoClient = require('mongodb').MongoClient;
var url = "mongodb://localhost:27017/";

MongoClient.connect(url,function(err,db){
  if (err) throw err;
  var dbo = db.db("mydb1");
  dbo.createCollection("Products",function(err,res){
    if (err) throw err;
    console.log("Collection created");
    db.close();
  });
});
```

2.12.4. Tạo bảng User

```
var MongoClient = require('mongodb').MongoClient;
var url = "mongodb://localhost:27017/";

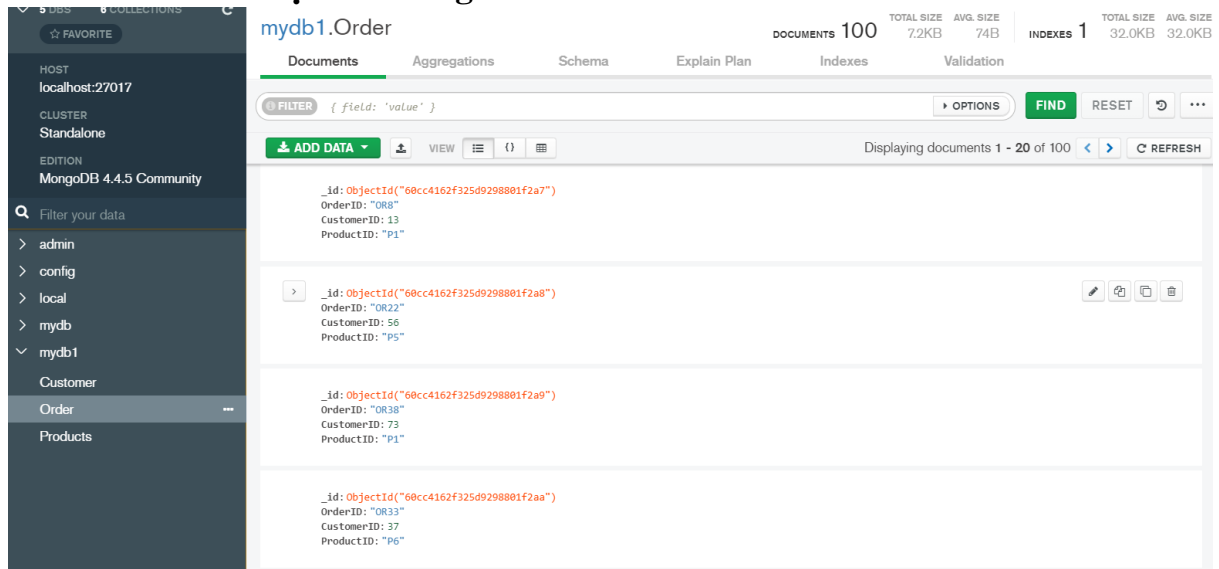
MongoClient.connect(url,function(err,db){
  if (err) throw err;
  var dbo = db.db("mydb1");
  dbo.createCollection("Customer",function(err,res){
    if (err) throw err;
    console.log("Collection created");
    db.close();
  });
});
```

2.12.5. Insert dữ liệu vào bảng Products

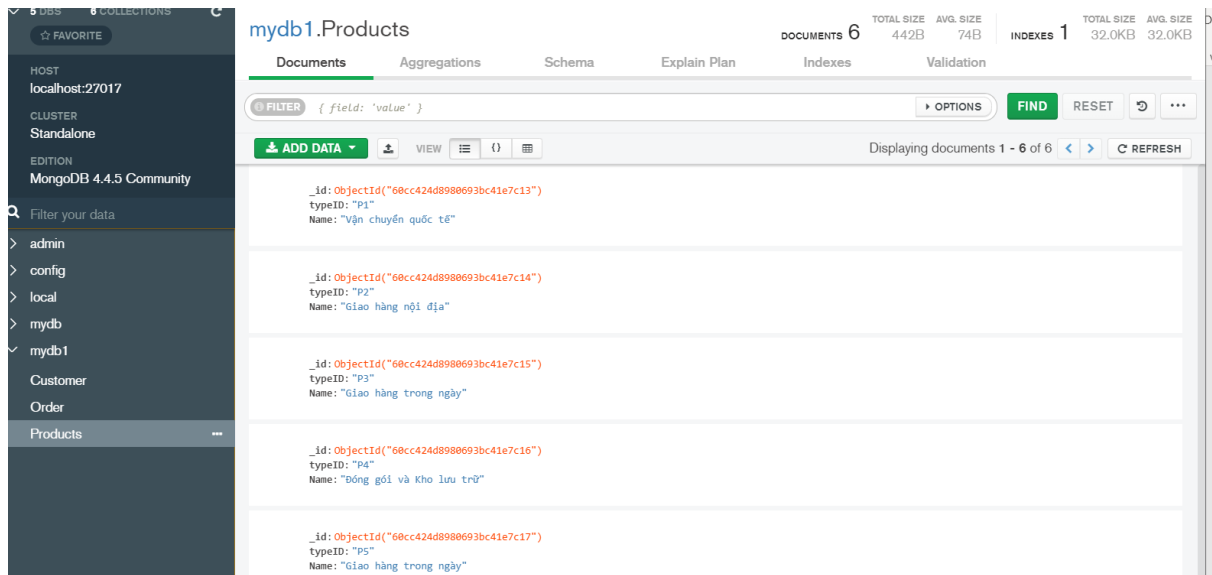
```
var MongoClient = require('mongodb').MongoClient;
var url = "mongodb://localhost:27017/";

MongoClient.connect(url,function(err,db){
  if (err) throw err;
  var dbo = db.db("mydb1");
  var datacustomer = [
    {typeID:"P1" ,Name:'Vận chuyển quốc tế'},
    {typeID:"P2" ,Name:'Giao hàng nội địa'},
    {typeID:"P3" ,Name:'Giao hàng trong ngày'},
    {typeID:"P4" ,Name:'Đóng gói và Kho lưu trữ'},
    {typeID:"P5" ,Name:'Giao hàng trong ngày'},
    {typeID:"P6" ,Name:'Vận tải đa phương thức'},
  ];
  dbo.collection("Products").insertMany(datacustomer,function(err,res){
    if (err) throw err;
    console.log("Đã thêm: "+ res.insertedCount + " hàng dữ liệu");
    db.close();
  });
});
```

2.12.6. Insert dữ liệu vào bảng Customer và Orders



The screenshot shows the MongoDB Compass interface. On the left, the 'mydb1' database is selected, and the 'Order' collection is highlighted. The main panel displays the 'mydb1.Order' collection with 100 documents. The documents are listed in a table-like view, showing fields such as _id, OrderID, CustomerID, and ProductID. The first document has OrderID: "0R8", CustomerID: 13, and ProductID: "P1". The second document has OrderID: "0R22", CustomerID: 56, and ProductID: "P5". The third document has OrderID: "0R38", CustomerID: 73, and ProductID: "P1". The fourth document has OrderID: "0R33", CustomerID: 37, and ProductID: "P6".



Dữ liệu ở 2 bảng này được thêm bằng cách import file csv từ Excel vào.

2.12.7. Kết các bảng dữ liệu với nhau

```

1  var MongoClient = require('mongodb').MongoClient;
2  var url = "mongodb://127.0.0.1:27017/";
3
4  ▼ MongoClient.connect(url, function(err, db) {
5      if (err) throw err;
6      var dbo = db.db("mydb1");
7      ▼ dbo.collection('Order').aggregate([
8      ▼     {
9      ▼         $lookup:
10         {
11             from: "Products",
12             localField: "ProductID",
13             foreignField: "typeID",
14             as: "product_bill"
15         }
16     },
17     ▼ {
18     ▼     $lookup:
19         {
20             from: "Customer",
21             localField: "CustomerID",
22             foreignField: "Customerid",
23             as: "user_bill"
24         }
25     }
26     ▼ ]).toArray(function(err, res) {
27         if (err) throw err;
28         console.log(JSON.stringify(res, null, 2));
29         db.close();
30     });
31 });

```